

DANH MỤC MÔN HỌC TỰ CHỌN NGÀNH KỸ THUẬT ĐỊA VẬT LÝ (7520502)

Tiêu chuẩn A7520502_1

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7010105	Hàm phức	2
2	7010110	Phương pháp tính	2
3	7010112	Phương trình toán lý	2
4	7040107	Địa chất đại cương	3
5	7040128	Thực tập Địa chất Đại cương	2
6	7060101	Bài toán giải ngược	2
<i>Cộng</i>			<i>13</i>

Tiêu chuẩn B7520502_1

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 9 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7060105	Địa vật lý biển	2
2	7060121	Tiếng Anh chuyên ngành Địa chất - Địa Vật lý	2
3	7060122	Tin học ứng dụng Địa chất- Địa vật lý	2
4	7060124	Vật lý thạch học	3
5	7060204	Đánh giá tài nguyên và trữ lượng Dầu khí	2
6	7060224	Trầm tích, tướng đá, cổ địa lý + TH	3
<i>Cộng</i>			<i>14</i>

Tiêu chuẩn C7520502_1

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 9 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7040116	Địa mạo đại cương và trầm tích Đệ tứ	2
2	7040120	Kiến tạo Màng	2
3	7040604	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	3
4	7060208	Địa chất dầu khí Việt nam và Thế giới	2
5	7060418	Khoan thăm dò - khảo sát	2
6	7060422	Kỹ thuật Dầu khí đại cương	2
<i>Cộng</i>			<i>13</i>